

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C R
THÀNH PHỐ C T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2021/HS-ST

Ngày: 01/06/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C R, THÀNH PHỐ C T**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hồng Gấm.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Bùi Thanh Trí.**

Ông **Nguyễn Thanh Tùng.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hạnh Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C R tham gia phiên tòa:* Ông **Đổng Việt Cường** – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 31/05 và ngày 01 tháng 06 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C R xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2021/HSST ngày 10 tháng 05 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-HS ngày 12/05/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn T K, sinh năm 1997, tại C T; Nơi thường trú: ấp Phú Thạnh, thị trấn Mái Dầm, huyện C T, tỉnh H G; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn H T và con bà Mai T L. Vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy thành phố C T.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Bà **Ngô T H**, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 088A khu vực Thạnh Huề, phường T T, quận C R, thành phố C T.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông **Nguyễn H H C**, sinh năm 1993. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 1876 khu vực Thới Hưng, phường L H, quận O M, thành phố C T.

2. Ông **Nguyễn H Q**, sinh năm 1981. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 63/1A khu vực Yên Thuận, phường L B, quận C R, thành phố C T.

3. Ông **Nguyễn H T**, sinh năm 1965. (Có mặt)

Địa chỉ: 135/5A khu vực Yên Bình, phường L B, quận C R, thành phố C T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 30/9/2020, bị cáo Nguyễn T K đi bộ một mình trên lộ nông thôn hướng từ Đình T T về chợ Cái Chanh, khi đến phía trước nhà số 088A, khu vực Thạnh Huề, phường T T, quận C R, thành phố C T của bà Ngô T H, phát hiện phía trước cửa nhà có dựng xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu đỏ, biển số 65B1-644.09 không có người trông coi, trên xe có gắn sẵn chìa khóa, nảy sinh ý định lấy trộm xe bán lấy tiền tiêu xài nên bị cáo đi đến mở khóa, điều khiển xe đến nhà số 63/1A, khu vực Yên Thuận, phường L B, quận C R của ông Nguyễn H Q cất giấu. Đến ngày 23/11/2020 bị cáo bán xe biển số 65B1-644.09 cho Nguyễn H H C với giá 4.800.000 đồng. Sau khi mua được xe thì Chương liên hệ với bà Ngô T H để làm thủ tục sang tên nên bà H đến Công an phường T T trình báo.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng gắn sim số 0906 852425; 01 xe mô tô gắn biển số 65B1-644.09 màu đỏ, số máy JF45E0516126, số máy khung 4510FY006824.

Kết luận định giá số 06/TCKH-HĐĐG ngày 19/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận C R, kết luận: 01 xe mô tô biển số 65B1-644.09, nhãn hiệu Honda Lead, màu đỏ có giá 25.500.000 đồng.

Quá trình điều tra Nguyễn T K đã thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 60/CT-VKS-CR, ngày 29 tháng 04 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân quận C R truy tố bị cáo Nguyễn T K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017.

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên cáo trạng, không bổ sung gì thêm, đồng thời phân tích tính chất, mức độ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo và đề nghị như sau:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn T K từ 09 (Không chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung công 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng cùng sim số 0906852524 thu giữ từ bị cáo. Đề nghị ghi nhận việc cơ quan chức năng đã trả lại tài sản một 01 xe mô tô gắn biển số 65B1-644.09 màu đỏ cho chủ sở hữu bà Ngô T H.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc ông T đã khắc phục, bồi thường số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho ông C.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo và xin Hội đồng xét xử xem giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện sớm trở về sinh hoạt và hòa nhập với cộng đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông T: Ông xác định số tiền bỏ ra 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) để thỏa thuận trả cho ông C là của ông, ông không yêu cầu bị cáo trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và trình tự, thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra và truy tố đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo không khiếu nại gì về thủ tục tố tụng. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông C, ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị hại bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do trong quá trình điều tra đã có ý kiến, việc vắng mặt của bà H, ông C, ông Q không gây trở ngại cho việc xét xử do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông C, ông Q theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận vào khoảng 17 giờ ngày 30/9/2020 đi bộ trên lộ nông thôn hướng từ Đình T T về chợ Cái Chanh, khi đến phía trước nhà số 088A, khu vực Thạnh Huề, phường T T, quận C R, thành phố C T thì phát hiện phía trước cửa nhà có dựng xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu đỏ, biển số 65B1-644.09 không có người trông coi, trên xe có gắn sẵn chìa khóa, nảy sinh ý định lấy trộm nên bị cáo đi đến mở khóa, điều khiển xe đến nhà số 63/1A, khu vực Yên Thuận, phường L B, quận C R của ông Nguyễn H Q cất giấu sau đó đem đi bán.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/TCKH-HĐĐG ngày 19/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự quận C R, thành phố C T kết luận: 01 xe mô tô biển số 65B1-644.09, nhãn hiệu Honda Lead, màu đỏ có giá 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, năm trăm ngàn đồng).

Lời thừa nhận của bị cáo, sau khi lấy được tài sản bị hại thì đem đi cất giấu sau đó bán lấy tiền là nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản định giá và các chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra lại tại phiên tòa nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, năm trăm ngàn đồng) trên 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và dưới 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) nên phải chịu tình tiết định khung theo quy định tại khoản 1 Điều 173

Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Do vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điều khoản luật đã nêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Bị cáo đã thành niên, có khả năng lao động nhưng lại lười biếng, tham lam, chỉ muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để thỏa mãn cho nhu cầu cá nhân. Bị cáo biết hành vi thực hiện của mình là vi phạm pháp luật nhưng cố ý vi phạm, bất chấp pháp luật cho thấy ý thức chủ quan của tội phạm là cố ý thực hiện.

[3] Về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có bà ngoại là người có công cách mạng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự thì nhận thấy bị cáo không phải là người bồi thường cũng như tác động cho cha bị cáo là ông T bồi thường trách nhiệm dân sự cho ông C chứ không phải bồi thường thiệt hại nên không có cơ sở áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo.

[4] Trên cơ sở xem xét toàn diện nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tạo điều kiện để bị cáo sửa chữa lỗi lầm trở thành người có ích cho xã hội sau này.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng gắn sim số 0906 852425 là phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Ghi nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận C R đã xử lý trả 01 xe mô tô gắn biển số 65B1-644.09 màu đỏ cho chủ sở hữu bà Ngô T H.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại vắng mặt dù được tòa án triệu tập họp lệ qua các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm về dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với ông T tại phiên tòa cũng không yêu cầu bị cáo trả số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) nên Hội đồng xét xử thống nhất không đặt ra xem xét nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn T K** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 173; Điều i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn T K** 01 (Không một) năm 06 (Không sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng, số IMEL1: 869039026378057, số IMEL 2: 869039026378040 đã qua sử dụng gắn sim số 0906 852425.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn T K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND TP. C T;
- VKSND Q. C R;
- Chi Cục THA Q. C R;
- Cơ quan điều tra - Công an Q. C R;
- Nhà tạm giữ Công an quận C R;
- Cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THỊ HỒNG GÁM